



SÔNG ĐÀ 11

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
Tel: 0433 545 867 Fax: 0433 542 280

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ III & LŨY KẾ 30/09/2017

HÀ NỘI THÁNG 10 NĂM 2017

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		421.254.567.569	477.219.509.965
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	72.083.969.232	168.376.737.626
1	Tiền	111		33.483.969.232	108.376.737.626
2	Các khoản tương đương tiền	112		38.600.000.000	60.000.000.000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.202.200.000	12.545.806.365
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	3.819.500.000	14.476.266.000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1.617.300.000)	(1.930.459.635)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		234.985.832.174	209.362.018.969
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	162.057.125.612	191.887.085.815
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.873.983.683	4.710.508.285
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		12.170.000.000	500.000.000
6	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	57.371.923.950	43.814.692.389
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(3.487.201.071)	(31.550.267.520)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		106.526.285.874	85.171.166.517
1	Hàng tồn kho	141	V.7	106.526.285.874	85.171.166.517
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		5.456.280.289	1.763.780.488
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	403.998.643	59.480.101
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.014.499.624	1.562.337.176
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		37.782.022	141.963.211
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	-	333.159.114.571	316.400.884.972
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		11.323.446.425	19.185.963.470
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	11.323.446.425	19.185.963.470

2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		95.411.456.788	86.233.978.659
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	85.177.519.788	85.747.358.659
	- Nguyên giá	222		184.968.493.166	179.138.053.146
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(99.790.973.378)	(93.390.694.487)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	10.233.937.000	486.620.000
	- Nguyên giá	228		10.233.937.000	486.620.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1	Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		225.026.305.985	210.196.893.145
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	231.351.024.720	215.576.994.720
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.324.718.735)	(5.380.101.575)
5	Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		1.397.905.373	784.049.698
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	1.397.905.373	784.049.698
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268	V.18	-	-
5	Lợi thuế thương mại	269		-	-

	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		754.413.682.140	793.620.394.937
TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
C	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		435.689.640.294	476.050.289.273
I	Nợ ngắn hạn	310		323.566.950.206	422.668.608.238
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	63.954.308.831	53.147.632.432
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	69.976.601.742	43.078.514.531
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.22	4.429.513.693	13.798.799.951
4	Phải trả người lao động	314		13.581.068.950	11.469.231.813
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.23	16.931.207.305	15.612.901.456
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.23	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		202.250.000	
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24	44.174.139.755	85.402.303.898
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		107.630.631.118	193.781.280.215
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		882.794.596	4.708.562.688
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.804.434.216	1.669.381.254
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II	Nợ dài hạn	330		112.122.690.088	53.381.681.035
1	Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	9.884.695.983	7.783.336.738
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27	-	-
4	Phải trả nội bộ dài hạn	334	V.28	-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	202.250.000
7	Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	1.000.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		60.142.744.784	5.662.744.784
9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		41.595.249.321	38.733.349.513
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		318.724.041.846	317.570.105.664
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.31	318.724.041.846	317.570.105.664
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000

	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		34.366.527.623	34.366.527.623
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		154.587.970.079	127.652.984.979
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.238.494.144	40.019.543.062
	- Lợi nhuận năm trước	421a		-	40.019.543.062
	- Lợi nhuận năm nay	421b		14.238.494.144	
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	431		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		754.413.682.140	793.620.394.937

Lập biểu



Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng



Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2017

Tổng giám đốc



Trần Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Quý III & lũy kế năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ III/2017	QUÝ III/2016	LŨY KẾ ĐẾN 30/09/2017	LŨY KẾ ĐẾN 30/09/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	124.125.419.027	54.680.800.407	302.869.061.634	532.965.513.521
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2				0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		124.125.419.027	54.680.800.407	302.869.061.634	532.965.513.521
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	108.806.591.659	41.583.688.619	283.845.764.122	494.339.385.424
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.318.827.368	13.097.111.788	19.023.297.512	38.626.128.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.485.321.110	376.903.675	13.410.561.668	19.673.245.391
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.701.399.649	1.273.542.385	11.847.316.359	11.042.015.415
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			2.890.312.190	1.197.098.978	8.900.173.099	3.780.951.832
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	8.973.824.932	9.476.486.472	20.326.282.279	33.326.958.333
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.128.923.897	2.723.986.606	260.260.542	13.930.399.740
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.099.617	10.000.000	44.129.462.432	4.470.309.340
12. Chi phí khác	32	VI.7	15.929.902	45.029.339	28.829.042.810	445.986.402
13. Lợi nhuận khác	40		-14.830.285	-35.029.339	15.300.419.622	4.024.322.938
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.114.093.612	2.688.957.267	15.560.680.164	17.954.722.678
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	366.325.822	0	1.322.186.020	0
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.21	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.747.767.790	2.688.957.267	14.238.494.144	17.954.722.678
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

LẬP BIỂU

M

Phạm Thị Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

M

Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2017

CÔNG TÔNG GIÁM ĐỐC



Trần Văn Tuấn

Lưu chuyển tiền tệ
Lũy kế đến 30/09/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế đến 30/09/2017	Lũy kế đến 30/09/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	370.848.445.045	484.036.441.588
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-178.755.007.440	-737.536.558.801
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-840.783.810	-39.226.159.528
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-8.900.173.099	-3.905.178.034
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-8.281.286.829	-14.408.486.252
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.222.949.211	4.588.686.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-187.682.630.726	-21.145.698.268
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-12.388.487.648	-327.596.953.295
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-17.888.235.730	-1.278.117.868
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	637.272.728	605.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-145.220.000.000	-500.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	133.550.000.000	234.012.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-19.031.340.000	-21.380.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.407.590.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.996.690.399	18.940.211.279
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-30.548.022.603	230.399.820.683
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	234.151.598.314	102.792.038.425
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-265.582.247.411	-124.767.963.449
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-21.927.324.700	-22.983.277.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-53.357.973.797	-44.959.202.674
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-96.294.484.048	-142.156.335.286
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	168.376.737.626	170.531.208.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.715.654	12.376
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	72.083.969.232	28.374.885.267

Lập biểu

Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngụ

Trần Văn Ngụ



Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2017

Tổng giám đốc

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoa	138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gle	Làng Đắc Nhoong, xã Đắc Nhoong, huyện Đắc Gle, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện thương phẩm	100%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời	Số nhà 1N7A, đường Nguyễn Thị Thập, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 887 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.373 nhân viên, trong đó lao động thời vụ là 836).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

+ Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ} = \text{Chi phí sản xuất kinh doanh đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ} - \text{Giá vốn hàng bán trong kỳ}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong kỳ} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

+ Đối với các công trình khác

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.657.688.871	1.069.111.097
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.826.280.361	107.307.626.529
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	38.600.000.000	60.000.000.000
Cộng	<u>72.083.969.232</u>	<u>168.376.737.626</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	2.022.500.000			5.952.000.000		(267.701.635)
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)
Ngân hàng TMCP Quân đội				6.727.266.000	6.681.808.000	(45.458.000)
Cộng	3.819.500.000		(1.617.300.000)	14.476.266.000		(1.930.459.635)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7: giảm do bán 392.950 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.929.500.000 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội: giảm do bán toàn bộ số cổ phiếu đã đầu tư.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.930.459.635)	(6.231.091.635)
Trích lập dự phòng bổ sung		(53.910.000)
Hoàn nhập dự phòng		1.127.266.000
Sử dụng dự phòng	313.159.635	3.272.734.000
Số cuối kỳ	(1.617.300.000)	(1.885.001.635)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱ⁾	47.381.773.480		47.381.773.480	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông ⁽ⁱⁱ⁾	57.250.000.000	(4.619.856.521)	57.250.000.000	(1.915.824.859)
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	35.594.689.000	(1.704.862.214)	35.594.689.000	(3.464.276.716)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ ^(iv)	66.942.942.240		72.350.532.240	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gle ^(v)	15.580.500.000	-	3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời ^(vi)	8.601.120.000			
Cộng	231.351.024.720	(6.324.718.735)	215.576.994.720	(5.380.101.575)

- (i) Trong năm 2013, Công ty hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và tổ chức lại thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- tháng 12 năm 2013. Vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là 50 tỷ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông 56.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương đương 70% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông.
- (iii) Trong năm 2015 Công ty đã mua 3.548.576 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn với giá mua là 35.594.689.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương đương 56,71% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.
- (iv) Trong năm 2015 Công ty đã mua 5.407.590 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ với giá mua là 72.350.532.240 VND. Trong kỳ, Công ty nhận được cổ tức năm 2014 số tiền 5.407.590.000 VND, là cổ tức trước khi khoản đầu tư được mua, được hạch toán giảm giá trị của khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101207604, ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei 42.250.000.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 12.580.500.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 15.580.500.000 VND, tương đương 23,97% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.000.000.000 VND, tương đương 4,61% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei là 26.669.500.000 VND.
- (vi) Trong kỳ, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyền góp vốn với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời để sở hữu 57.000.000 cổ phiếu (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty này, trong đó cổ phiếu hiện có là 1.086.000 cổ phiếu và quyền góp vốn tương ứng với 55.914.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 434.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

Giá trị hợp lý

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 35.690.094.000 VND. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei và Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(5.380.101.575)	(8.419.819.770)
Trích lập dự phòng bổ sung	(944.617.160)	(6.018.588.587)
Số cuối kỳ	(6.324.718.735)	(14.438.408.357)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông (To Bông)		
To Bông vay	141.970.000.000	
Trả tiền gốc vay	132.500.000.000	4.000.000.000
Góp vốn điều lệ bằng tiền		13.300.000.000
Doanh thu hoạt động xây dựng	26.539.488.600	7.268.219.241
Lãi vay To Bông phải trả	1.271.963.849	
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long		
<i>Giao dịch bán hàng</i>		
Doanh thu bán vật tư, thu phí tiếp địa, bảo hiểm	2.971.454.133	2.175.005.210
Doanh thu cước vận chuyển		(304.327.818)
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	223.346.194	309.072.771
<i>Giao dịch mua hàng</i>		
Chi phí xây lắp hoàn thành	18.556.252.609	80.175.872.097
Mua trụ sở	14.090.909.091	
<i>Giao dịch khác</i>		
Lợi nhuận được chia		16.886.679.000
Cho vay	2.250.000.000	
Trả tiền gốc vay	1.500.000.000	
Lãi vay phải trả	51.223.334	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ (Đắc Đoạ)		
Lãi vay phải trả Đắc Đoạ	683.078.257	
Vay Đắc Đoạ	24.778.906.943	
Trả tiền vay cho Đắc Đoạ	12.300.000.000	
Lãi vay phải thu Đắc Đoạ		414.511.844
Thu nợ vay ngắn hạn		3.012.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gleì (Đắc Gleì)		
Góp vốn điều lệ bằng tiền	12.580.500.000	
Cho Đắc Gleì vay	1.000.000.000	

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	73.814.399.971	92.493.823.542
Tổng Công ty Sông Đà	63.655.054.972	87.265.346.180
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	1.523.923.630	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	8.635.421.369	5.228.477.362
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gleì		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	88.242.725.641	99.393.262.273
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	2.880.656.456	9.575.822.285
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	21.797.701.306	8.247.258.373

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	4.219.845.042	7.873.278.985
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	2.462.677.707	5.544.137.066
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị điện Hà Nội	2.440.279.094	14.596.707.858
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7		6.536.051.748
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Đrinh	9.725.892.345	4.943.275.697
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He		1.326.185.000
Công ty điện lực Hưng Yên		
Các khách hàng khác	44.715.673.691	40.750.545.261
Cộng	<u>162.057.125.612</u>	<u>191.887.085.815</u>
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	5.391.547.793	9.388.064.477
Tổng Công ty Sông Đà	5.391.547.793	9.388.064.477
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	5.931.898.632	9.797.898.993
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc		1.936.348.136
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	5.931.898.632	3.078.934.209
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Đrinh		4.782.616.648
Cộng	<u>11.323.446.425</u>	<u>19.185.963.470</u>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	4.797.965.906	1.283.814.716
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	4.797.965.906	1.283.814.716
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.076.017.777	3.426.693.569
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	318.982.700	1.410.508.447
Các nhà cung cấp khác	1.757.035.077	2.016.185.122
Cộng	<u>6.873.983.683</u>	<u>4.710.508.285</u>
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	12.170.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông ⁽ⁱ⁾	10.420.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Gle ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	750.000.000	
Cộng	<u>12.170.000.000</u>	<u>500.000.000</u>

(i) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (là công ty con) vay với lãi suất 7,6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Gle (là công ty con) vay với lãi suất 6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iii) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long (là công ty con) vay với lãi suất 6,35%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	22.051.041.198		7.763.867.188	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	4.358.981.198		7.092.116.295	
Tổng công ty Sông Đà	17.692.060.000		671.750.893	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	35.320.882.752		36.050.825.201	(695.750.000)
Tạm ứng	19.820.291.088		19.161.822.353	
Phải thu của CBCNV	1.333.530.417		791.188.056	
Phải thu các đội công trình	807.906.395		237.602.788	
Tiền cổ tức phải thu			695.750.000	(695.750.000)
Phải thu tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	8.358.695.291		12.586.018.544	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	232.952.435		267.337.754	
Ký cược, ký quỹ	2.548.504.714		1.791.291.714	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.219.002.412		519.813.992	
Cộng	57.371.923.950	-	43.814.692.389	(695.750.000)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc		
<i>Các bên liên quan</i>		1.187.149.533		8.171.593.096	2.228.262.186	
Tổng Công ty Sông Đà				8.171.593.096	2.228.262.186	
			Từ 2 đến 3 năm	7.427.540.619	2.228.262.186	
	Trên 3 năm	1.187.149.533	Trên 3 năm	744.052.477		
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		3.273.831.750		29.198.723.831	3.591.787.221	
Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị điện Hà Nội			Trên 3 năm	12.156.428.764		
Công ty Cổ phần năng lượng Sơn Vũ			Trên 3 năm	3.645.678.449		
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2			Từ 1 đến 2 năm	1.965.249.110	982.624.555	
Công ty Cổ phần	Từ 2 đến	2.769.755.034	830.926.510	Từ 2 đến	3.976.188.479	1.192.856.543

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Thủy điện Đakrinh	3 năm		3 năm	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		504.076.716		7.455.179.029
Cộng		4.460.981.283		37.370.316.927

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(31.550.267.520)	(24.490.623.982)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(5.813.691.117)
Hoàn nhập dự phòng	9.682.064.255	2.371.879.286
Sử dụng dự phòng	18.381.002.194	
Số cuối kỳ	(3.487.201.071)	(27.932.435.813)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.873.183.529		15.658.626.941	
Công cụ, dụng cụ	922.901.551		1.279.912.033	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84.730.200.794		68.232.627.543	
Cộng	106.526.285.874		85.171.166.517	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí Công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà làm việc	337.684.337	
Tiền khoan phun hầm dẫn	388.916.854	707.121.547
Công cụ dụng cụ	671.304.182	76.928.151
Cộng	1.397.905.373	784.049.698

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	81.815.761.861	76.283.258.516	20.217.588.660	821.444.109	179.138.053.146
Mua trong kỳ	4.396.909.091	2.564.538.393		142.727.273	7.104.174.757
Thanh lý, nhượng bán			(1.273.734.737)		(1.273.734.737)
Số cuối kỳ	86.212.670.952	78.847.796.909	18.943.853.923	964.171.382	184.968.493.166
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	584.414.189	16.442.776.526	13.562.591.260	548.420.909	31.138.202.884
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.869.667.015	43.371.709.735	18.597.099.963	552.217.774	93.390.694.487
Khấu hao trong kỳ	2.770.942.199	4.260.363.827	550.578.996	92.128.606	7.674.013.628
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.273.734.737)		(1.273.734.737)
Số cuối kỳ	33.640.609.214	47.632.073.562	17.873.944.222	644.346.380	99.790.973.378
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	50.946.094.846	32.911.548.781	1.620.488.697	269.226.335	85.747.358.659
Số cuối kỳ	52.572.061.738	31.215.723.347	1.069.909.701	319.825.002	85.177.519.788
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 59.934.031.737 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không thời hạn.

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	18.670.106.983	1.877.027.469
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	17.987.028.726	1.877.027.469
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	683.078.257	
Phải trả các nhà cung cấp khác	45.284.201.848	51.270.604.963
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	5.167.076.551	6.826.908.628
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	775.308.632	4.558.568.554
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	1.067.166.076	3.790.357.494
Công ty Cổ phần Thành Long	13.768.368.107	5.223.112.593
Các nhà cung cấp khác	25.573.448.558	30.871.657.694

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	63.954.308.831	53.147.632.432
12b. Phải trả người bán dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	9.884.695.983	7.783.336.738
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	607.934.880	1.607.934.880
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	1.955.853.524	1.303.902.350
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	532.861.971	1.307.628.514
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà		
Công ty Cổ phần Thành Long	1.958.667.410	
Công ty TNHH Hùng Hiệp	899.257.502	899.257.502
Các nhà cung cấp khác	3.930.120.696	2.664.613.492
Cộng	9.884.695.983	7.783.336.738
13. Người mua trả tiền ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	13.808.028.455	5.384.718.210
Tổng Công ty Sông Đà	13.808.028.455	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		5.384.718.210
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	56.168.573.287	37.693.796.321
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	27.994.634.879	14.320.067.554
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	2.296.279.587	13.960.187.719
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	2.785.520.884	1.592.760.354
Công ty TNHH Xây dựng Hòa An	1.273.184.000	5.000.000.000
Công ty điện lực Hưng Yên - Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	8.611.808.000	
Các khách hàng khác	13.207.145.937	2.820.780.694
Cộng	69.976.601.742	43.078.514.531

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.047.950.981		17.458.970.765	(21.141.101.259)	365.820.487	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			45.654.900	(45.654.900)	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.252.973.391		1.322.186.020	(8.281.286.829)	293.872.582	37.782.022
Thuế thu nhập cá nhân	2.017.752.574	141.963.211	1.118.901.021	(770.352.404)	2.366.301.191	
Thuế tài nguyên	253.824.265		1.846.097.143	(1.801.209.850)	298.711.558	
Tiền thuế đất			810.530.100	(810.530.100)	-	
Thuế bảo vệ môi trường	151.916.720		283.398.560	(278.933.300)	156.381.980	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	74.382.020		2.634.536.363	(1.760.492.488)	948.425.895	
Cộng	13.798.799.951	141.963.211	24.709.744.772	(34.079.031.030)	4.429.513.693	37.782.022

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 đến năm 2015 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2023)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.560.680.164	17.954.722.678
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	96.139.530	454.420.520
- Các khoản điều chỉnh giảm	446.139.530	454.420.520
	(350.000.000)	
Thu nhập chịu thuế	15.656.819.694	18.409.143.198
Thu nhập được miễn thuế	(7.002.741.200)	(16.886.679.000)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	8.654.078.494	1.522.464.198
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.730.815.699	304.492.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(865.407.849)	(1.152.076.573)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	865.407.849	0
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	456.778.171	
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.322.186.020	0

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp của từng hoạt động như sau:

	Các hoạt động khác	Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.388.339.797	13.172.340.367	15.560.680.164
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:			
- Các khoản điều chỉnh tăng	96.139.530	-	96.139.530
- Các khoản điều chỉnh giảm	446.139.530	-	446.139.530
Các khoản phạt	325.870.795		325.870.795
Thù lao HĐQT không điều hành	72.000.000		72.000.000
Các khoản khác	48.268.735		48.268.735
- Các khoản điều chỉnh giảm	(350.000.000)	-	(350.000.000)
Thu nhập chịu thuế	2.484.479.327	13.172.340.367	15.656.819.694
Thu nhập được miễn thuế	(7.002.741.200)		(7.002.741.200)
Thu nhập tính thuế	(4.518.261.873)	13.172.340.367	8.654.078.494
Bù trừ thu nhập giữa các hoạt động	4.518.261.873	(4.518.261.873)	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	8.654.078.494	8.654.078.494
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.730.815.699	1.730.815.699

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Các hoạt động khác	Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
<i>phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>			
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		(865.407.849)	(865.407.849)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	-	865.407.849	865.407.849
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	456.778.171		456.778.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	456.778.171	865.407.849	1.322.186.020

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4% trên giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	16.931.207.305	15.612.901.456
Trích trước chi phí công trình	16.919.837.351	15.350.067.864
Trích trước chi phí thuê đất	-	-
Chi phí lãi vay phải trả	11.369.954	262.833.592
Cộng	16.931.207.305	15.612.901.456

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	49.174.139.755	85.402.303.898
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	689.398.856	109.412.351
Kinh phí công đoàn	162.339.891	521.042.551
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	629.374.423	11.937.227.923
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	2.022.500.000	2.022.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng	2.979.665.786	918.260.306
Phải trả các đội tiền khoán công trình	20.804.819.801	36.224.084.227
BQL DA các công trình điện Miền Trung (Công trình đường dây 500 KV Mỹ Phước Cầu Bông)		2.638.153.035
Công ty Cổ phần Lắp máy và XD điện (IEC) (Công trình đường dây 500 KV Bắc Ninh 2 Phố nổi)		8.841.090.028
BQL DA các công trình điện Miền Bắc (Công trình đường dây 220KV Trục Ninh - Nam Định)	10.567.989.301	8.936.394.202
Tổng công ty Phát triển Đường cao tốc Việt Nam (Công trình đường dây 500KV Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	-	7.870.932.623
Phải trả khác	6.318.051.697	4.883.206.652
Cộng	44.174.139.755	85.402.303.898

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	500.000.000	1.000.000.000
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược		500.000.000
Cộng	500.000.000	1.000.000.000

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	12.478.906.943	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa ⁽ⁱ⁾	12.478.906.943	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng⁽ⁱⁱ⁾</i>	95.151.724.175	190.181.280.215
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	15.274.220.605	47.415.447.896
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	72.693.630.178	42.900.706.567
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	4.003.873.392	99.865.125.752
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	3.180.000.000	3.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà	990.000.000	1.320.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	1.710.000.000	2.280.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	480.000.000	
Cộng	107.630.631.118	193.781.280.215

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Vay Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,5%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, từng khối ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	190.181.280.215	152.372.691.371		(250.582.247.411)	91.971.724.175
Vay ngắn hạn các tổ chức khác		24.778.906.943		(12.300.000.000)	12.478.906.943
Vay dài hạn đến hạn trả	3.600.000.000	2.280.000.000		(2.700.000.000)	3.180.000.000
Cộng	193.781.280.215	179.431.598.314		(265.582.247.411)	107.630.631.118

17b. Vay dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	1.922.882.087	3.062.882.087
+ Chi nhánh Bắc Hà ⁽ⁱⁱ⁾	1.939.862.697	2.599.862.697
+ Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	46.920.000.000	
+ Chi nhánh Láng Hạ ^(iv)	9.600.000.000	
	60.142.744.784	5.662.744.784

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàntầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng số 36/16/NHNT ngày 28/12/2016, thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (20/2/2017), lãi suất cố định trong 12 tháng đầu là 7,8%/năm, điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng/1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là Công trình Nhà máy Thủy điện Thác Trắng.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng tín dụng để bù đắp một phần chi phí đã bỏ ra mua trụ sở BT 24 VT24 KĐT Xa la.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.180.000.000	3.600.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	13.462.744.784	5.662.744.784
Trên 5 năm	46.680.000.000	
Cộng	<u>63.322.744.784</u>	<u>9.262.744.784</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.662.744.784	9.262.744.784
Số tiền vay phát sinh	57.000.000.000	
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(2.520.000.000)	(1.800.000.000)
Số cuối kỳ	<u>60.142.744.784</u>	<u>7.462.744.784</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn

18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	4.708.562.688
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	882.794.596
Số hoàn nhập	(4.708.562.688)
Số cuối kỳ	<u>882.794.596</u>

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	38.733.349.513
Tăng do trích lập	39.457.261.793
Số hoàn nhập	(35.712.567.389)
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(882.794.596)
Số cuối kỳ	<u>41.595.249.321</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	689.597.117	515.726.481	(193.400.000)	1.011.923.598
Quỹ phúc lợi	979.784.137	515.726.481	(703.000.000)	792.510.618
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		500.000.000	(500.000.000)	-
Cộng	<u>1.669.381.254</u>	<u>1.531.452.962</u>	<u>(1.396.400.000)</u>	<u>1.804.434.216</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	67.247.066.956	85.726.661.247	302.871.305.826
Lợi nhuận trong kỳ trước				17.954.722.678	17.954.722.678
Trích lập các quỹ Chia cổ tức			60.405.918.023	(62.620.451.247)	(2.214.533.224)
				(23.106.210.000)	(23.106.210.000)
Số dư cuối kỳ trước	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	17.954.722.678	295.505.285.280
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	40.019.543.062	317.570.105.664
Lợi nhuận trong kỳ này				14.238.494.144	14.238.494.144
Trích lập các quỹ Chia cổ tức			26.934.985.100	(28.466.438.062)	(1.531.452.962)
				(11.553.105.000)	(11.553.105.000)
Số dư cuối kỳ này	115.531.050.000	34.366.527.623	154.587.970.079	14.238.494.144	318.724.041.846

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.366.527.623
Cộng	149.897.577.623	149.897.577.623

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 23.106.210.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 26.934.985.100
• Trích quỹ khen thưởng	: 515.726.481
• Trích quỹ phúc lợi	: 515.726.481
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành công ty	: 500.000.000

Theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2016, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ là 10% cho các cổ đông hiện hữu theo danh sách chốt ngày 26 tháng 12 năm 2016, ngày thanh toán là ngày 06 tháng 01 năm 2017. Thanh toán nốt cổ tức năm 2016 lần 2 vào ngày 25 tháng 08 năm 2017

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 94,26 USD (số đầu năm là 95,76 USD).

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị Điện Hà Nội	12.156.428.764		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Linh Linh	1.261.738.423		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	3.367.081.122		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Cộng	18.111.433.309		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	19.441.138.208	19.411.885.906
Doanh thu hợp đồng xây dựng	262.346.546.040	503.493.939.220
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	21.081.377.386	10.059.688.395
Cộng	302.869.061.634	532.965.513.521

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Doanh thu xây lắp thực hiện	392.863.214	314.012.742.051

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện thương phẩm	5.317.094.656	6.317.759.156
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	260.177.315.881	474.596.539.028
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	18.351.353.585	13.425.087.240
Cộng	283.845.764.122	494.339.385.424

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.865.448.683	1.784.607.298
Lãi tiền cho vay	1.355.770.516	268.925.001
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.775.471.200	16.886.679.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.736.675	14.971.355
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		12.376
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	1.160.646.500	
Phí bảo lãnh	251.488.094	718.050.381
Cộng	13.410.561.668	19.673.245.391

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.900.173.099	3.780.951.832
Phí bảo lãnh	1.597.956.449	3.300.946.198
Phí cam kết tín dụng	48.639.535	60.149.433
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21.021	
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	944.617.160	3.899.967.952
Chi phí tài chính khác	355.909.095	
Cộng	11.847.316.359	11.042.015.415

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.684.397.076	17.361.969.708
Chi phí vật liệu quản lý	1.276.491.526	1.326.397.403
Chi phí đồ dùng văn phòng	366.953.263	230.994.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.490.644.347	1.432.205.825
Thuế, phí và lệ phí	256.447.931	412.159.122
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(8.354.147.825)	3.441.811.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.538.066.503	3.293.374.757
Các chi phí khác	5.067.429.458	5.828.045.358
Cộng	20.326.282.279	33.326.958.333

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	637.272.728	153.663.785
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	117.361	
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	43.489.412.725	4.169.050.101
Thu nhập khác	2.659.618	147.595.457
Cộng	44.129.462.432	4.470.309.343

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	182.912.631	220.965.351
Thuế bị phạt, bị truy thu	142.958.164	
Xử lý vật tư bị mất	48.268.735	96.331.309
Giá trị các công trình bị cắt giảm do quyết toán	28.453.175.842	
Chi phí khác	1.727.438	128.689.742
Cộng	28.829.042.810	445.986.402

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.011.813.182 VND (cùng kỳ năm trước là 1.038.199.317 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Tổng Công ty Sông Đà

Cổ đông lớn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long

Công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng

Công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn

Công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ

Công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glêi

Công ty con

Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời

Công ty con

Các công ty con của Tổng Công ty Sông Đà

Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Tổng Công ty Sông Đà

Chi phí dịch vụ

552.129.180

Tiền lãi vay phải trả

19.512.411

Mua tài sản của Tổng Công ty Sông Đà

1.604.545.455

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.7, V.12, V.13 và V.18

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	262.346.546.040	40.522.515.594	302.869.061.634
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	262.346.546.040	40.522.515.594	302.869.061.634
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.169.230.159	16.854.067.353	19.023.297.512
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(20.326.282.279)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.302.984.767)
Doanh thu hoạt động tài chính			13.410.561.668
Chi phí tài chính			(11.847.316.359)
Thu nhập khác			44.129.462.432
Chi phí khác			(28.829.042.810)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.322.186.020)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			14.238.494.144
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	15.494.870.401	2.393.365.329	17.888.235.730
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.194.609.678	1.111.292.248	8.305.901.926
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	23.681.310.904	3.657.857.536	27.339.168.440

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	503.493.939.220	29.471.574.301	532.965.513.521
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	503.493.939.220	29.471.574.301	532.965.513.521
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	28.897.400.192	9.728.727.905	38.626.128.097
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(33.326.958.333)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5.299.169.764
Doanh thu hoạt động tài chính			19.673.245.391
Chi phí tài chính			(11.042.015.415)
Thu nhập khác			4.470.309.340
Chi phí khác			(445.986.402)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			17.954.722.678
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.278.117.868		1.278.117.868
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	90.21.722.431	528.078.577	9.549.801.008
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	12.348.515.762	722.809.495	13.071.325.257
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	346.408.882.982	46.305.900.367	392.714.783.349
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			361.698.898.791
Tổng tài sản			754.413.682.140
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	214.082.067.192	33.816.930.341	247.898.997.533
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			187.790.642.761
Tổng nợ phải trả			435.689.640.294

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Số đầu năm

Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>309.710.456.439</u>	<u>47.413.471.797</u>	357.123.928.236
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>436.496.466.701</u>
Tổng tài sản			<u>793.620.394.937</u>

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>214.238.256.827</u>	<u>35.430.594.429</u>	249.668.851.256
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>226.381.438.017</u>
Tổng nợ phải trả			<u>476.050.289.273</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý


Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực trong nước	<u>302.869.061.634</u>	<u>221.176.138.247</u>
Khu vực nước ngoài	<u>-</u>	<u>311.789.375.274</u>
Cộng	<u>302.869.061.634</u>	<u>532.965.513.521</u>

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Người lập biểu



Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng



Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám đốc





Lê Văn Tuấn